| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN QUẢNG TRẠCH**<br>**TỈNH QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 02/2019/DS-ST<br>Ngày: 28-6-2019<br>"*V/v tranh chấp đòi lại tài sản*" | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Phạm Văn Ngọc

2. Ông Phan Xuân Lợi

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Võ Ngọc Thực - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Văn Duẫn - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2018/TLST-TCDS ngày 09/8/2018 về tranh chấp "Đòi lại tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-DS, ngày 01/02/2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Ông Đặng Ngọc M, sinh năm 1941; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt

*2. Bị đơn*: Ông Đàm Thanh S, sinh năm 1958; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ông Đặng L; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

Bà Đàm Thị T (vợ ông Đặng N); địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

+ Ông Trình Q; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

+ Ông Đặng K; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

+ Bà Mai Thị T (vợ ông Trình Văn T); địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

+ Ông Trình Đ; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt

+ Ông Đặng H; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

+ Ông Trần T; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

+ Ông Đặng Văn T; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt

+ Ông Đàm Đ; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

+ Bà Đàm Thị T (vợ ông Đặng T); địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

+ Ông Đàm Xuân H; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

+ Ông Nguyễn M (con ông Nguyễn Văn H); địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt

+ Bà Đàm Thị L (vợ ông Đặng Đ); địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

+ Ông Đặng N (con ông Đặng M); địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

+ Anh Đàm Văn H (con ông Đàm X); địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt

+ Bà Đàm Thị L (vợ ông Đàm K); địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

+ Ông Đàm C; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 27/6/2018, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đặng Ngọc M trình bày:*

Thực hiện chủ trương chung của Tổ mía đường thôn T về việc huy động vốn mua giống mía cho bà con sản xuất nên ngày 26/12/1997, ông M và ông Nguyễn Văn H, ông Đặng L đã xuống Phòng Giao dịch Roòn Ngân hàng NN&PTNT huyện Quảng Trạch vay mỗi người số tiền là 3.960.000 đồng cho Tổ mía đường. Tại thời điểm đó có ông Đàm Thanh S (lúc này là Tổ trưởng Tổ mía

đường thôn T). Sau khi nhận được tiền ông M đã giao đủ số tiền cho Tổ mía đường mà trực tiếp là ông S nhận. Từ thời điểm giao tiền cho đến nay Tổ mía đường và ông S không hoàn lại cho ông M số tiền gốc cũng như tiền lãi để ông trả cho Ngân hàng. Tính đến ngày 18/5/2018, số tiền mà ông M còn nợ Ngân hàng NN&PTNT huyện Quảng Trạch là 21.083.040 đồng, trong đó số tiền gốc là 3.960.000 đồng và tiền lãi là 17.123.040 đồng. Ông M đã trả hết gốc và lãi cho Ngân hàng số tiền trên, ông M yêu cầu Tòa án buộc ông Đàm Thanh S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong tổ mía đường có chốt nợ theo danh sách ngày 03/11/1998 tại xã phải có nghĩa vụ trả lại toàn bộ số tiền 21.083.040 đồng cho ông.

*Tại bản tự khai, biên bản phiên họp và hòa giải cũng như tại phiên toà, bị đơn ông Đàm Thanh S trình bày:*

Về chủ trương vay vốn để sản xuất mía của thôn là đúng, tuy nhiên ông không đồng ý với ý kiến của ông M vì mình không cùng ông M đi vay tiền và không nhận tiền trực tiếp tại ông M cũng như các hộ đứng ra vay vốn tại Ngân hàng mà do ông Trưởng thôn là ông Đặng Anh T nhận và đi giao dịch mua bán giống (mồi) mía. Sau khi thanh toán xong, ông T về cùng ông cân đối theo giấy tờ sổ sách, lập danh sách các hộ dân nhận giống, sau khi trừ các chi phí còn lại bao nhiêu tiền mặt thì họ nhận tiền mặt về mua lân đạm phục vụ sản xuất. Ông S không nhận tiền và không nợ ông M mà chính các hộ dân nhận tiền nên họ còn nợ ông M. Ông S làm Tổ trưởng Tổ mía đường thôn T được 01 năm thì bàn giao lại cho ông Đàm Xuân H, trước khi nghỉ việc ông đã lập danh sách bàn giao đầy đủ (có danh sách lập ngày 03/11/1998 thể hiện các hộ dân còn nợ tiền). Ông S yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, đòi tiền từ các hộ dân để trả lại tiền cho ông M.

*Tại biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên toà, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày*:

Thực hiện chủ trương chung của địa phương nên các hộ dân ở thôn T, xã Q trong đó có gia đình của các ông bà đã đứng ra đăng ký nhận giống trồng mía. Tuy nhiên, do giá mía thấp, thiên tai hạn hán dẫn đến mất mùa nên việc trồng mía không có hiệu quả do vậy đã không tiếp tục trồng mía nữa.

Các ông Đặng Văn T, ông Trình Văn T, ông Đặng L, ông Trình Q, ông Đặng N, ông Đàm Văn H và bà Đàm Thị T thống nhất: Theo danh sách các hộ dân còn nợ tiền ban đầu do Tổ mía đường cung cấp thì các ông bà đồng ý trả toàn bộ khoản tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo bảng kê của Ngân hàng NN&PTNT huyện Quảng Trạch. Cụ thể: ông T còn nợ 274.719 đồng; ông L: 549.436 đồng; ông Q: 3.051.716 đồng; ông N (con ông Đặng M): 274.719 đồng; ông H (con ông Đàm X): 860.359 đồng; bà T (vợ ông Đặng N): 274.719 đồng.

Các ông Trình Đ, ông Đàm Đ, ông Đàm C và bà Đàm Thị L thống nhất chỉ trả khoản tiền nợ gốc, không đồng ý trả khoản tiền lãi vì cho rằng để phát sinh khoản tiền lãi không phải lỗi từ phía các ông bà. Bà Đàm Thị L đề nghị miễn khoản tiền lãi vì thời gian đã quá lâu và thời điểm sản xuất mía do bị hạn hán nên bị thất bát, khó khăn. Cụ thể, số tiền theo bảng kê ngày 03/11/1998 và bảng kê tính gốc và lãi của Ngân hàng NN&PTNT huyện Quảng Trạch thì các hộ này còn nợ như sau: ông Đ: 988.135 đồng; ông Đ: 1.126.559 đồng; ông C: 4.382.716 đồng; bà L (vợ ông Đàm K): 4.382.716 đồng.

Ông Nguyễn Văn H không đồng ý trả cả khoản tiền gốc và tiền lãi vì ông cũng là người đứng ra vay tiền cho Tổ mía đường nhưng hiện vẫn chưa được trả khoản tiền đã vay. Đối với ông Đặng K thì ông cho rằng mình trồng và đã nhập mía đầy đủ cho Tổ mía nên không còn nợ tiền, để phát sinh tiền lãi nhiều không phải do lỗi của ông nên ông không chấp nhận. Riêng bà Đàm Thị L thì không đồng ý trả nợ vì chồng bà đã chết và bà hiện đang ở nhờ vào con, gia đình khó khăn nên không có khả năng trả nợ. Ông H còn nợ: 1.126.559 đồng; ông K: 2.191.359 đồng; bà L (vợ ông Đ): 5.508.210 đồng.

Ông Đàm Xuân H thừa nhận tại thời điểm năm 1998-1999 ông và ông S đã thu tiền mía của các hộ dân được 3 triệu đồng và ông S mang đi trả cho Ngân hàng để lấy sổ đỏ về cho ông Đặng L. Sau đó không thu được tiền của các hộ dân do nhà máy mía đường bị phá sản. Ông đề nghị xem xét để đảm bảo quyền lợi cho các hộ trồng mía lúc bấy giờ.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng H, Trần T mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng không có mặt tại Tòa án và trụ sở Ủy ban nhân dân xã Q để trực tiếp làm việc với Tòa án. Ông H còn nợ: 2.190.826 đồng; ông T còn nợ: 2.190.826 đồng.

Ngày 18/10/2018 ông Nguyễn Văn H, là người có quyền lợi liên quan có yêu cầu độc lập có ý kiến: Ông Hẻo trình bày trước đây ông và ông M và ông L đã dùng quyền sử dụng đất của gia đình đã thế chấp tại Ngân hàng Roòn thuộc Ngân hàng NN&PTNT huyện Quảng Trạch. Hiện nay ông M khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ông S và những người trong tổ mía đường trước đây phải trả lại tiền cho ông M. Theo danh sách ông H và ông S lập ngày 03/11/1998 tại xã thể hiện các hộ dân còn nợ tiền thì những người có tên trong danh sách phải có trách nhiệm trả nợ vì số tiền này thể hiện là đang nợ tiền của ông M và tiền của ông H, còn tiền của ông L đã trả cho Ngân hàng lấy sổ đỏ về. Vì vậy, ông H đề nghị Tòa án buộc những người liên quan trả hết số tiền 21.083.040 đồng cho ông M còn lại số tiền 17.611.790 đồng trả cho ông H.

Người làm chứng, ông Đặng Anh T trình bày: Vào năm 1996 thực hiện chủ trương chung của nhà nước triển khai trồng mía tại xã Q. Ở thôn Tđã thành lập được tổ mía đường do ông Đàm Thanh S làm tổ trưởng. Do không có vốn nên tổ mía đường có vận động 03 hộ dân đứng ra vay vốn để mua giống mía, trong đó có hộ ông M. Khi 03 hộ dân vay được tiền thì giao cho tổ trưởng để mua giống mía và thời điểm này ông Toán làm Trưởng thôn còn mọi việc do ông S thực hiện. Ông S có trách nhiệm thu mua giống và thu tiền bán mía từ các hộ dân để trả nợ cho Ngân hàng, lấy thẻ đỏ về cho ông M. Thẻ đỏ của ông L đã lấy về, còn các hộ khác ông T không rõ. Ông Toán cho rằng ông S và những người trong tổ mía đường phải có trách nhiệm trong việc trả tiền cho ông M.

*Đại diện VKSND huyện Quảng Trạch phát biểu quan điểm:*

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân theo pháp luật tố tụng. Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch không có kiến nghị đối với vụ án này.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 467, 471 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Ngọc M, buộc bị đơn ông Đàm Thanh S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả toàn bộ số tiền nợ 21.083.040 đồng cho ông Nguyễn Ngọc M. Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, buộc ông Đàm Thanh S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả toàn bộ số tiền nợ 17.611.790 đồng cho ông Nguyễn Văn H. Buộc bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Mai Thị T (vợ ông Trình Văn T), ông Trình Đ, ông Đặng T, bà Đàm Thị T (vợ ông Đặng T), ông Nguyễn M (con trai ông Nguyễn H), anh Đàm Văn H (con trai ông Đàm X) có mặt tại phiên tòa đều có ý kiến nhất trí trả cho ông M và ông Ho số tiền còn nợ theo danh sách lập ngày 03/11/1998 tại xã và trả cả gốc và lãi theo bảng kê chi tiết của Ngân hàng theo tỷ lệ phần của ông M và của ông H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Đặng Ngọc M khởi kiện yêu cầu ông Đàm Thanh S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả lại khoản tiền đã nhận. Vì vậy, xác định đây là "Tranh chấp đòi lại tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q, Tòa án đã tống đạt, triệu tập hợp lệ, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng các ông Đặng L, bà Đàm Thị T, ông Trình Q, ông Đặng K, Đặng H, Trần T, Đàm Đ, Đàm Xuân H, bà Đàm Thị L, bà Đàm Thị L, ông Đặng N, Đàm C vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung tranh chấp, yêu cầu của đương sự:

Theo yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của các bên đương sự và tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, xác định: Thực hiện chủ trương chung của địa phương về việc huy động vốn mua giống mía cho bà con sản xuất nên ngày 26/12/1997, ông Đặng Ngọc M cùng ông Nguyễn Văn H, ông Đặng L đã vay vốn tại Phòng Giao dịch Roòn, Ngân hàng NN&PTNT huyện Quảng Trạch mỗi người số tiền là 3.960.000 đồng cho Tổ mía đường của thôn T, xã Q. Sau khi nhận được tiền ông M đã giao đủ số tiền cho Tổ mía đường do ông Đàm Thanh S là Tổ trưởng Tổ mía đường lúc bấy giờ chịu trách nhiệm. Tổ mía đường đã mua giống mía và cung cấp cho các hộ dân theo đăng ký nhận trồng. Tuy nhiên, sau khi trồng mía được một thời gian do giá mía thấp cộng với thiên tai hạn hán dẫn đến thất bát, mất mùa việc trồng mía không có hiệu quả nên đã không tiếp tục trồng mía nữa. Từ sau thời điểm giao tiền cho đến nay, Tổ mía đường, ông S cũng như các hộ dân đứng ra đăng ký trồng mía chưa trả lại cho ông M số tiền gốc cũng như tiền lãi theo lãi suất vay vốn tại Ngân hàng NN&PTNT huyện Quảng Trạch để ông M trả cho Ngân hàng. Ông M đã bỏ tiền trả hết cho Ngân hàng theo xác nhận của Ngân hàng NN&PTNT huyện Quảng Trạch và trình bày của ông M. Như vậy, việc vay vốn, giao nhận tiền và trả nợ khoản tiền nhận giữa các bên là đúng thực tế, có thật và được các bên thừa nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Đặng Ngọc M, thấy rằng: Ông Đặng Ngọc M là một trong ba hộ dân đã đứng ra dùng tài sản là quyền sử dụng đất của mình để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng, sau khi nhận tiền tại Ngân hàng ông M đã giao cho ông S, là Tổ trưởng Tổ mía đường, số tiền gốc vay ngày 26/12/1997 là 3.960.000 đồng. Nhưng từ sau khi vay và giao tiền cho đến nay ông M vẫn chưa nhận được số tiền gốc cũng như tiền lãi theo lãi suất vay vốn tại Ngân hàng từ Tổ mía đường, ông S và các hộ dân. Ngày 18/5/2018, ông M đã tự bỏ ra số tiền là 21.083.040 đồng, trong đó số tiền gốc là 3.960.000 đồng và tiền lãi là 17.123.040

đồng để trả nợ cho Ngân hàng NN&PTNT huyện Quảng Trạch. Tuy nhiên, qua xác minh và tài liệu có tại Ủy ban nhân dân xã Q theo danh sách các hộ dân còn nợ tiền mía đường được chốt ngày 03/11/1998 được xác định là còn nợ ông Đặng Ngọc M và ông Nguyễn Văn H. Số tiền này đã được Phòng giao dịch Roòn - Ngân hàng NN&PTNT huyện Quảng Trạch chi tiết từng hộ vay dư nợ gốc và lãi tính đến ngày 18/5/2018 tổng cộng số tiền 38.694.831 đồng. Như vậy, theo khế vay của ông M tại được Phòng giao dịch Roòn -Ngân hàng NN&PTNT huyện Quảng Trạch thể hiện ngày 18/5/2018 ông M đã trả cho Ngân hàng số tiền 21.083.040 đồng, theo tỷ lệ thì số tiền này tương ứng 54,5% là tiền của ông M còn 45,5% là của ông H tương ứng với số tiền 17.611.791 đồng.

Cụ thể, theo danh sách được chốt ngày 03/11/1998 những người còn nợ tiền mía đường như sau:

Ông Đàm Xuân H: 1.134.800 đồng;

ông Đặng Văn T: 154.800 đồng;

ông Trình Văn T: 51.600 đồng;

ông Đặng L: 103.200 đồng;

ông Trình Q: 573.200 đồng;

ông Đặng M: 51.600 đồng

ông ông Đàm X: 161.600 đồng;

ông Đặng N: 51.600 đồng;

ông Trình Đ: 185.600 đồng;

ông Đàm Đ: 211.600 đồng;

ông Đàm C: 823.200 đồng;

ông Đàm K: 823.200 đồng;

ông Đặng K: 411.600 đồng

ông Đặng Đ: 1.034.600 đồng.

Ông Đàm Thanh S: 103.200 đông;

Ông Đặng Ngọc M: 203.200 đồng;

Ông Nguyễn Văn H: 211.600 đồng;

Ông Trần T: 411.500 đồng;

Ông Đặng T: 154.800 đồng;

Ông Đặng H: 411.500 đồng.

Trong tổng số tiền nợ gốc 3.960.000 đồng sau khi vay giao cho Tổ mía đường thì ông M cũng đã đứng ra đăng ký nhận trồng mía và còn nợ lại 203.200 đồng. Số tiền này tính đến ngày 18/5/2018 cả gốc và lãi là 1.081.836 đồng, trong đó tiền gốc là 203.200 đồng, tiền lãi là 878.636 đồng. Như vậy, trong tổng số tiền mà ông trả nợ cho Ngân hàng có một phần nghĩa vụ của ông M, theo tỷ lệ thì ông M tự chịu số tiền 589.600 đồng và phải trả cho ông H số tiền 492.235 đồng.

Bị đơn ông Đàm Thanh S trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã thừa nhận về việc thực hiện chủ trương trồng mía của địa phương, việc vay vốn và nhận tiền, trả tiền vay từ các bên liên quan. Ông S công nhận các hộ dân đã đăng ký nhận giống trồng mía trong đó có ông và hiện vẫn chưa thực hiện hết nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho ông M. Đối với ông S số tiền nợ tính đến ngày 18/5/2018 cả gốc và lãi là 549.436 đồng, trong đó tiền gốc là 103.200 đồng, tiền lãi là 446.236 đồng. Vì vậy, buộc ông S phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ trên theo tỷ lệ cho ông M và ông H là hoàn toàn phù hợp. Cụ thể, ông S phải trả cho ông M số tiền 299.442 đồng, trả cho ông H số tiền 249.993 đồng.

Trong tổng số tiền nợ gốc 3.960.000 đồng sau khi vay giao cho Tổ mía đường thì ông Hẻo cũng đã đứng ra đăng ký nhận trồng mía và còn nợ lại 211.600 đồng. Số tiền này tính đến ngày 18/5/2018 cả gốc và lãi là 1.126.559 đồng, trong đó tiền gốc là 211.600 đồng, tiền lãi là 914.959 đồng. Như vậy, ông H phải có một phần nghĩa vụ trả ông M 613.974 đồng. Phần của ông H tự chịu trách nhiệm là 512.584 đồng.

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn H là người có quyền lợi liên quan có yêu cầu độc lập, đề nghị những người theo danh sách còn nợ ông H và ông M được chốt ngày 03/11/1998 phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền 17.611.791 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, qua xác minh và làm việc với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều thống nhất xác nhận danh sách được ông S và ông Hạnh lập ngày 03/11/1998 thể hiện các hộ dân còn nợ tiền của ông H và ông S. Do ông S phải bỏ tiền ra để trả cho Ngân hàng NN&PTNT huyện Quảng Trạch số tiền 21.083.040 đồng, trong đó tiền gốc là 3.960.000 đồng và tiền lãi 17.123.040 đồng vào ngày 18/5/2018 để lấy về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch đã có yêu cầu đối với phía Ngân hàng cung cấp bảng kê chi tiết từng hộ dân theo danh sách ngày 03/11/1998 tính đến ngày ông M hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là ngày 18/5/2018 để tính số tiền lãi phát sinh trên số dư nợ tiền gốc. Tổng cộng số tiền theo bảng kê của phía Ngân hàng là 38.694.831 đồng. Như vậy sau khi buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả cho ông M số tiền 21.083.040 đồng, còn lại số tiền 17.611.791 đồng buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả

cho ông H là hoàn toàn phù hợp. Như vậy, yêu cầu của ông H, là người quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét ý kiến, quan điểm của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đàm Xuân H bà Mai Thị T (vợ ông Trình Văn T), ông Trình Đài, ông Đặng T, bà Đàm Thị T (vợ ông Đặng T), ông Nguyễn M (con trai ông Nguyễn H), anh Đàm Văn H (con trai ông Đàm X), ông Đặng L, ông Trình Q, ông Đặng N (con ông Đặng M) và bà Đàm Thị T (vợ ông Đặng N), ông Đàm Xuân H đã thừa nhận khoản nợ và đồng ý trả toàn bộ khoản tiền gốc và tiền lãi phát sinh cho ông M và ông H, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các ông Đàm Đ, ông Đàm C và bà Đàm Thị L (vợ ông Đàm K) thống nhất chỉ trả khoản tiền nợ gốc, không đồng ý trả khoản tiền lãi vì cho rằng để phát sinh khoản tiền lãi không phải lỗi từ phía các ông bà. Bà Đàm Thị L đề nghị miễn khoản tiền lãi vì thời gian đã quá lâu và thời điểm sản xuất mía do bị hạn hán nên bị thất bát, khó khăn. Đối với ý kiến, yêu cầu này của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xét thấy là chưa phù hợp, chưa thỏa đáng. Bởi việc sản xuất, trồng mía là chủ trương chung nhưng vì do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan dẫn đến không tiếp tục sản xuất. Mặt khác, sau khi phát sinh khoản tiền nợ thì số tiền nợ này cũng đã được các cấp, các ngành địa phương đôn đốc, nhắc nhở và phía ông Đặng Ngọc M cũng đã yêu cầu đòi nợ rất nhiều lần qua nhiều năm nhưng bên có nghĩa vụ vẫn không thực hiện. Đối với ý kiến, yêu cầu của ông Đặng K, bà Đàm Thị L (vợ ông Đặng Đ), Hội đồng xét xử không chấp nhận vì các ông bà trình bày ý kiến, quan điểm nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Do vậy để bảo vệ quyền và lợi ích của ông M, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn để buộc bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải có nghĩa vụ trả cho ông M khoản tiền gốc và tiền lãi phát sinh tương ứng.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng H, Trần T mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng không có mặt tại Tòa án và trụ sở Ủy ban nhân dân xã Q để trực tiếp làm việc với Tòa án. Trên cơ sở kết quả điều tra, xác minh, căn cứ các chứng cứ, tài liệu thu thập được đã có đủ cơ sở xác định được các hộ ông Đặng H và Trần T tại thời điểm thực hiện chủ trương đăng ký nhận giống trồng mía ở thôn T, xã Q những hộ dân này đã đứng ra đăng ký nhận trồng mía và chưa thanh toán hết khoản tiền nợ. Do vậy, buộc các ông Đặng H và Trần T phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên là hoàn toàn phù hợp.

Từ những đánh giá, nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Ngọc M là có cở sở được chấp nhận. Căn cứ quy định tại các Điều 467, 471 Bộ luật dân sự năm 1995, chấp nhận yêu cầu một phấn yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Ngọc M, buộc ông Đàm Thanh S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ cả gốc và lãi phát sinh tổng cộng số tiền 21.083.040 đồng, cụ thể:

ông Đàm Thanh S phải trả là 299.442 đồng

ông Đàm Xuân H phải trả là 3.292.712 đồng,

ông Đặng Văn T phải trả là 449.164 đồng,

bà Đàm Thị T phải trả là 449.164 đồng,

ông Trình Văn T phải trả là 149.721 đồng,

ông Đặng L phải trả là 299.442 đồng,

ông Trình Q phải trả là 1.663.185 đồng,

ông Đặng N phải trả là 149.721 đồng,

ông Đàm Văn H phải trả là 468.895 đồng,

bà Đàm Thị T phải trả là 149.721 đồng,

ông Trình Đ phải trả là 538.533 đồng,

ông Đặng K phải trả là 1.194.290 đồng,

bà Đàm Thị L (vợ ông Đặng Đ) phải trả là 3.001.974 đồng,

ông Đặng H phải trả 1.194.000 đồng,

ông Trần T phải trả 1.194.000 đồng,

ông Nguyễn Văn H phải trả là 613.974 đồng

ông Đàm Đ phải trả là 613.974 đồng

ông Đàm C phải trả là 2.388.580 đồng

bà Đàm Thị L (vợ ông Đàm K) phải trả là 2.388.580 đồng

Căn cứ quy định tại các Điều 467, 471 Bộ luật dân sự năm 1995, chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ cả gốc và lãi phát sinh cho ông H , cụ thể:

ông Đàm Xuân H phải trả là 2.748.962 đồng

ông Đặng Văn T phải trả là 374.990 đồng

bà Đàm Thị T phải trả là 374.990 đồng

ông Trình Văn T phải trả là 124.997 đồng

ông Đặng L phải trả là 249.993 đồng

ông Trình Q phải trả là 1.388.530 đồng

ông Đặng N phải trả là 124.947 đồng

ông Đàm Văn H phải trả là 391.463 đồng

bà Đàm Thị T phải trả là 124.997 đồng

ông Trình Đ phải trả là 449.601 đồng

ông Đàm Thanh S phải trả là 249.993 đồng

ông Đàm Đ phải trả là 512.584 đồng

ông Đặng K phải trả là 997.068 đồng

bà Đàm Thị L (vợ ông Đặng Đ) phải trả là 2.506.235 đồng

ông Đặng H phải trả là 996.825 đồng

ông Trần T phải trả là 996.825 đồng

ông Đặng Ngọc M phải trả là 492.235 đồng

ông Đàm C phải trả là 1.994.135 đồng

bà Đàm Thị L (vợ ông Đàm K) phải trả là 1.994.135 đồng

[3] Xét quan điểm, đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập được chấp nhận nên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Xét ông Đàm C, Đàm Xuân H, Trình Văn T, Đàm Đ, Nguyễn Văn H, Đàm Văn H thuộc đối tượng hộ nghèo có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Q, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ án phí cho ông Đàm C, Đàm Xuân H, Trình Văn T, Đàm Đ, Nguyễn Văn H, Đàm Văn H.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 467, 471 Bộ luật dân sự năm 1995; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Ngọc M về việc đòi lại tài sản đối với bị đơn ông Đàm Thanh S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Đặng Văn T, Đàm Thị T (vợ ông Đặng T), Đặng L, Trình Q, Đặng N (con ông Đặng M), bà Đàm Thị T (vợ ông Đặng N), Trình Đ, Đặng K, Đàm Thị L (vợ ông Đặng Đ), Đặng H, Trần T, Đàm Thị L (vợ ông Đàm K), Đàm C, Đàm Xuân H, Trình Văn T, Đàm Đ, Nguyễn Văn H, Đàm Văn H (con ông Đàm X).

2. Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn H về việc đòi lại tài sản đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Đặng Văn T, Đàm Thị T (vợ ông Đặng T), Đặng L, Đàm Thanh S, Trình Q, Đặng N (con ông Đặng M), Đàm Thị T (vợ ông Đặng N), Trình Đ, Đặng Ngọc M, Đặng K, Đàm Thị L (vợ ông Đặng Đ), Đặng H, Trần T, Đàm Thị L (vợ ông Đàm K), Đàm C, Đàm Xuân H, Trình Văn T, Đàm Đ, Đàm Văn H (con ông Đàm X).

- Buộc ông Đàm Thanh S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả cho ông Đặng Ngọc M tổng số tiền nợ là 21.083.040 đồng (hai mươi mốt triệu không trăm tám mươi ba nghìn không trăm bốn mươi đồng), cụ thể:

ông Đàm Thanh S phải trả là 299.442 đồng (hai trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng),

Ông Đàm Xuân H phải trả là 3.292.712 đồng (ba triệu hai trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm mười hai đồng),

Ông Đặng Văn T phải trả là 449.164 đồng,

Bà Đàm Thị T (vợ ông Đặng T) phải trả là 449.164 đồng (bốn trăm bốn mươi chín nghìn một trăm sáu mươi tư đồng),

Ông Trình Văn T phải trả là 149.721 đồng (một trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi mốt đồng),

Ông Đặng L phải trả là 299.442 đồng (hai trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng),

Ông Trình Q phải trả là 1.663.185 đồng (một triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn một trăm tám mươi lăm đồng),

Ông Đặng N (con ông Đặng M) phải trả là 149.721 đồng (một trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi mốt đồng),

Ông Đàm Văn H (con ông Đàm X) phải trả là 468.895 đồng (bốn trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm chín mươi lăm đồng),

Bà Đàm Thị T (vợ ông Đặng N) phải trả là 149.721 đồng (một trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi mốt đồng),

Ông Trình Đ phải trả là 538.533 đồng (năm trăm ba mươi tám nghìn năm trăm ba mươi ba đồng),

Ông Đặng K phải trả là 1.194.290 đồng (một triệu một trăm chín mươi tư nghìn hai trăm chín mươi đồng),

Bà Đàm Thị L (vợ ông Đặng Đ) phải trả là 3.001.974 đồng (ba triệu không trăm lẻ một nghìn chín trăm bảy mươi tư đồng),

Ông Đặng H phải trả 1.194.000 đồng (một triệu một trăm chín mươi tư nghìn đồng),

Ông Trần T phải trả 1.194.000 đồng (một triệu một trăm chín mươi tư nghìn đồng),

Ông Nguyễn Văn H phải trả là 613.974 đồng (sáu trăm mười ba nghìn chín trăm bảy mươi tư đồng),

Ông Đàm Đ phải trả là 613.974 đồng (sáu trăm mười ba nghìn chín trăm bảy mươi tư đồng),

Ông Đàm C phải trả là 2.388.580 đồng (hai triệu ba trăm tám mươi tám nghìn năm trăm tám mươi đồng),

Bà Đàm Thị L (vợ ông Đàm K) phải trả là 2.388.580 đồng (hai triệu ba trăm tám mươi tám nghìn năm trăm tám mươi đồng),

- Buộc ông Đàm Thanh S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả cho ông Nguyễn Văn H tổng cộng số tiền nợ là 17.611.791 đồng, cụ thể:

Ông Đàm Thanh S phải trả là 249.993 đồng (hai trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm chín mươi ba đồng),

Ông Đàm Xuân H phải trả là 2.748.962 đồng (hai triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng),

Ông Đặng Văn T phải trả là 374.990 đồng (ba trăm bảy mươi tư nghìn chín trăm chín mươi đồng),

Bà Đàm Thị T (vợ ông Đặng T) phải trả là 374.990 đồng (ba trăm bảy mươi tư nghìn chín trăm chín mươi đồng),

Ông Trình Văn T phải trả là 124.997 đồng (một trăm hai mươi tư nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng),

Ông Đặng L phải trả là 249.993 đồng (hai trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm chín mươi ba đồng),

Ông Trình Q phải trả là 1.388.530 đồng (một triệu ba trăm tám mươi tám nghìn năm trăm ba mươi đồng),

Ông Đặng N (con ông Đặng M) phải trả là 124.947 đồng (một trăm hai mươi tư nghìn chín trăm bốn mươi bảy đồng),

Ông Đàm Văn H (con ông Đàm X) phải trả là 391.463 đồng (ba trăm chín mươi mốt nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng),

Bà Đàm Thị T (vợ ông Đặng N) phải trả là 124.997 đồng (một trăm hai mươi tư nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng),

Ông Trình Đ phải trả là 449.601 đồng (bốn trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm lẻ một đồng),

Ông Đàm Đ phải trả là 512.584 đồng (năm trăm mười hai nghìn năm trăm tám mươi tư đồng),

Ông Đặng K phải trả là 997.068 đồng (chín trăm chín mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi tám đồng),

Bà Đàm Thị L (vợ ông Đặng Đ) phải trả là 2.506.235 đồng (hai triệu năm trăm lẻ sáu nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng),

Ông Đặng H phải trả là 996.825 đồng (chín trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng),

Ông Trần T phải trả là 996.825 đồng (chín trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng),

Ông Đặng Ngọc M phải trả là 492.235 đồng (bốn trăm chín mươi hai nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng),

Ông Đàm C phải trả là 1.994.135 đồng (một triệu chín trăm chín mươi tư nghìn một trăm ba mươi lăm đồng),

Bà Đàm Thị L (vợ ông Đàm K) phải trả là 1.994.135 đồng (một triệu chín trăm chín mươi tư nghìn một trăm ba mươi lăm đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

3. Về án phí:

Buộc ông Đàm Thanh S, Đặng Văn T, bà Đàm Thị T (vợ ông Đặng To), Đặng L, Trình Q, Đặng N (con ông Đặng M), bà Đàm Thị T (vợ ông Đặng N), Trình Đ, Đặng Ngọc M, Đặng K, Đàm Thị L (vợ ông Đặng Đ), Đặng H, Trần T, Đàm Thị L (vợ ông Đàm K) mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp sung vào công quỹ nhà nước.

Miễn án phí cho ông Đàm C, Đàm Xuân H, Trình Văn T, Đàm Đ, Nguyễn Văn H, Đàm Văn H

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/6/2019). Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Lan Phương**